

Số: /2023/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 2

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, mức phụ cấp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); mức phụ cấp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kiêm nhiệm và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- b) Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;
- c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chức danh, mức phụ cấp từng chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Số TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)		
		Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
1	Văn phòng Đảng ủy	1,45	1,25	1,0
2	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	1,35	1,18	1,0
3	Phó Ban Tổ chức Đảng ủy	1,35	1,18	1,0
4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1,45	1,18	1,0
5	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,35	1,18	1,0
6	Phó Chủ tịch Hội Nông dân ở xã, thị trấn (Trưởng ban bảo vệ dân phố ở phường)	1,35	1,18	1,0
7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1,35	1,18	1,0
8	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	1,35	1,18	1,0
9	Đài truyền thanh	1,25	1,15	0,87
10	Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự	1,45	1,18	1,0
11	Thủ quỹ	1,15	1,13	0,86
12	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1,45	1,18	1,0
13	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	1,45	1,18	1,0
14	Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi	0,65	0,47	0,47

Điều 3. Mức phụ cấp từng chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Số TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)	
		Thôn từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố từ 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự	Thôn, tổ dân phố còn lại
1	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	1,4	1,3
2	Trưởng thôn, tổ dân phố	1,4	1,3
3	Trưởng ban CTMT thôn, tổ dân phố	1,0	0,9

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Số TT	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	Mức hỗ trợ hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)	
		Thôn từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố từ 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự	Thôn, tổ dân phố còn lại
1	Phó thôn, tổ dân phố	1,0	0,9
2	Công an viên ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn (Bảo vệ dân phố ở tổ dân phố thuộc phường)	1,0	0,9
3	Thôn (tổ) đội trưởng	0,7	0,6
4	Nhân viên y tế và Dân số	0,5	0,4
5	Phó Bí thư chi bộ	0,45	0,35
6	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	0,35	0,33
7	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	0,35	0,33
8	Bí thư chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh	0,35	0,33
9	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	0,35	0,33
10	Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi	0,35	0,33

Điều 5. Kiểm nhiệm và mức phụ cấp kiểm nhiệm

1. Kiểm nhiệm

a) Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm không quá 01 chức danh không chuyên trách (bao gồm cả cấp xã và ở thôn, tổ dân phố);

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm thêm không quá 02 chức danh không chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thêm không quá 02 công việc của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thêm không quá 01 chức danh không chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thêm không quá 02 công việc của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

d) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thêm không quá 02 công việc của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

2. Mức phụ cấp kiêm nhiệm

Cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố khi kiêm nhiệm được hưởng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh, công việc kiêm nhiệm.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Trung ương.
2. Nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Nghị quyết này thay thế các nghị quyết: Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 và Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Giang

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XIX, Kỳ họp thứ.... thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước khu vực;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Bắc Giang; Trung tâm TT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng